**TUẦN 18**  *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 1)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

Hiểu nội dung chính của từng đoạn, nội dung của cả bài; nhận biết được các nhân vật trong bài tập đọc là truyện kể thuộc hai chủ điểm Có chí thì nên, Tiếng sáo diều.

**2. Kĩ năng**

- Đọc rành mạch, trôi chảy các bài tập đọc đã học (tốc độ đọc khoảng 80 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung. Thuộc được 3 đoạn thơ, đoạn văn đã học ở HKI.

\* HS năng khiếu đọc lưu loát, diễn cảm được đoạn văn, đoạn thơ (tốc độ đọc trên 80 tiếng/phút).

**3. Thái độ**

- HS chăm chỉ, tự giác học tập

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Phiếu ghi sẵn tên các bài tập đọc từ tuần 11-17

+ Giấy khổ to và bút dạ.

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:** *(3p)*    - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Thực hành ôn tập** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Đọc rành mạch, trôi chảy bài tập đọc đã học theo tốc độ qui định giữa HKI (khoảng 75 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung đoạn đọc.  - Hiểu nội dung chính của từng đoạn, nội dung của cả bài; nhận biết được một số hình ảnh, chi tiết có ý nghĩa trong bài; bước đầu biết nhận xét về nhân vật trong văn bản tự sự.  \* **Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân- Lớp**  - Lần lượt từng HS bốc thăm bài, về chỗ chuẩn bị, cứ 1 HS kiểm tra xong, 1 HS tiếp tục lên bốc thăm bài đọc.  - Đọc và trả lời câu hỏi.  - Theo dõi và nhận xét.  **Nhóm 4- Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - 1 HS nêu: Bài tập đọc: *Ông trạng thả diều, “ Vua tàu thủy” Bạch Thái Bưởi, Vẽ trứng, Người tìm đường lên các vì sao, Văn hay chữ tốt, Chú Đất Nung, Trong quán ăn “Ba cá bống”, Rất nhiều mặt trăng.*  - HS làm bài theo nhóm.  - Báo cáo kết quả.  - Nhận xét, bổ sung. | **Bài 1:** Ôn luyện và học thuộc lòng (1/3 lớp)  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Cho HS lên bảng bốc thăm bài đọc:  - Gọi 1 HS đọc và trả lời 1, 2 câu hỏi về nội dung bài đọc  - GV nhận xét, khen/ động viên trực tiếp từng HS.  ***Bài 2. Lập bảng tổng kết***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Hãy nêu các bài tập đọc là truyện kể trong hai chủ điểm *Có chí thì nên và Tiếng sáo diều*.  + Yêu cầu HS làm bài trong nhóm 4. GV đi giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn.  - Nhận xét, kết luận lời giải đúng. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên bài** | **Tác giả** | **Nội dung chính** | **Nhân vật** |
| *Ông trạng thả diều* | Trinh Đường | Nguyễn Hiền nhà nghèo mà hiếu học | *Nguyễn Hiền* |
| *“Vua tàu thủy” Bạch Thái Bưởi* | Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam | Bạch Thái Bưởi từ tay trắng, nhờ có chí đã làm nên nghiệp lớn. | *Bạch Thái Bưởi* |
| *Vẽ trứng* | Xuân Yến | Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi kiên trì khổ luyện đã trở thành danh hoạ vĩ đại. | *Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi* |
| *Người tìm đường lên các vì sao* | Lê Quang Long  Phạm Ngọc Toàn | Xi- ôn- cốp- xki kiên trì theo đuổi ước mơ, đã tìm được được đường lên các vì sao. | *Xi- ôn- cốp- xki* |
| *Văn hay chữ tốt* | Truyện đọc 1 (1995) | Cao Bá Quát kiên trì luyện viết chữ, đã nổi danh là người văn hay chữ tốt. | *Cao Bá Quát* |
| *Chú Đất Nung*  *(phần 1- 2)* | Nguyễn Kiên | Chú bé Đất dám nung mình trong lửa đã trở thành người mạnh mẽ, hữu ích. Còn hai người bột yếu ớt gặp nước suýt bị tan ra. | *Chú Đất Nung* |
| *Trong quán ăn “Ba cá bống”* | A- lếch- xây Tôn- xtôi | Bu- ra- ti- nô thông minh, mưu trí đã moi được bí mật về chiếc chìa khóa vàng từ hai kẻ độc ác. | *Bu- ra- ti- nô* |
| *Rất nhiều mặt trăng*  *(phần 1- 2)* | Phơ- bơ | Trẻ em nhìn thế giới, giải thích về thế giới rất khác người lớn. | *Công chúa nhỏ* |

**3. HĐ ứng dụng *(1p)***

- Ghi nhớ KT đã ôn tập

**4. HĐ sáng tạo *(1p)***

- Đọc diễn cảm các bài tập đọc

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 86:* DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 9**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được dấu hiệu chia hết cho 9

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng dấu hiệu chia hết cho 9 để giải các bài toán liên quan

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: SGK, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS tham gia trò chơi dưới sự điều hành của nhóm trưởng  *+ VD: 120; 230; 970;.....*  *+ Các số có tận cùng là chữ số 0* | **1. Khởi động:** *(5p)*  - HS chơi trò chơi: Hộp quà bí mật  *+ Viết hai số có ba chữ số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5*  *+ Nêu dấu hiệu chia hết cho 2, 5*  - GV nhận xét.  - GV giới thiệu vào bài |
| **2. Hình thành kiến thức***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết dấu hiệu chia hết cho 9  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | |
| **Cá nhân - Lớp**  - HS tự viết vào vở nháp – Chia sẻ trước lớp  18: 9 = 2 20: 9 = 2 (dư 1)  72: 9 = 8 74: 9 = 8 (dư 2)  657: 9 = 73 451: 9 = 50 (dư 1)  - HS thảo luận nhóm 2, phát hiện đặc điểm. VD:  18: 9 = 2  Ta có: 1 + 8 = 9 và 9: 9 = 1  72: 9 = 8  Ta có: 7 + 2 = 9 và 9: 9 = 1  657: 9 = 73  Ta có: 6 + 5 + 7 = 18 và 18: 9 = 2  - HS nêu: **Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì chia hết cho 9**  20: 9 = 2 (dư 2)  Ta có: 2 + 0 = 2; và 2: 9 (dư 2)  74: 9 = 8 (dư 2)  Ta có: 7 + 4 = 11 và 11 : 9 = 1 (dư 2)  451: 9 = 50 (dư 1)  Ta có: 4 + 5 + 1= 10 và 10: 9 = 1 (dư 1)  *+ Ta tính tổng các chữ số của số đó* | \* GV hướng dẫn cho HS phát hiện ra dấu hiệu chia hết cho 9.  - GV cho HS nêu các VD về các số chia hết cho 9, các số không chia hết cho 9, viết thành 2 cột (SGK): Cột bên trái ghi các phép tính chia hết cho 9, cột bên phải ghi các phép tính không chia hết cho 9  - GV hướng sự chú ý của HS vào cột bên trái để tìm ra đặc điểm của các số chia hết cho 9.  - GV gợi ý để HS đi đến tính nhẩm tổng các chữ số của các số ở cột bên trái (có tổng các chữ số chia hết cho 9) và rút ra nhận xét: “Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì chia hết cho 9”.  - GV cho từng HS nêu dấu hiệu ghi chữ đậm trong bài học, rồi cho HS nhắc lại nhiều lần.  - GV cho HS tính nhẩm tổng các chữ số của các số ghi ở cột bên phải và nêu nhận xét: “Các số có tổng các chữ số không chia hết cho 9 thì không chia hết cho 9”.  *+ Muốn biết một số có chia hết cho 9 hay không ta làm thế nào?* |
| **3. HĐ thực hành** (18p)  **\* Mục tiêu:** Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 9 trong một số tình huống đơn giản.  **\* Cách tiến hành** | |
| **Cá nhân – Chia sẻ lớp.**  Đáp án:  Số chia hết cho 9 là: 99; 108; 5643; 29; 385.  - Giải thích tại sao các số trên lại chia hết cho 9  - HS lấy VD về số chia hết cho 9  Đáp án:  Các số không chia hết cho 9 là: 96, 7853, 5554, 1097.  - Giải thích tại sao các số trên không chia hết cho 9  - Lấy thêm VD về số không chia hết cho 9  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài 3:  VD: Các số: 288, 873, 981, ....  Bài 4:  31**5** ; **1**35 ; 2**2**5  - Ghi nhớ dấu hiệu chia hết cho 9  - Tìm các bài toán vận dụng dấu hiệu chia hết cho 9 trong sách buổi 2 và giải | ***Bài 1:*** Trong các số sau, số nào chia hết cho 9...  - GV chốt đáp án, củng cố dấu hiệu chia hết cho 9.  ***\*Lưu ý: giúp đỡ hs M1+M2***  ***Bài 2:*** Trong các số sau, số nào không chia hết cho 9....  - GV chốt đáp án.  **Bài 3 + bài 4 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Củng cố dấu hiệu chia hết cho 9  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**KHÔNG KHÍ CẦN CHO SỰ CHÁY**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết không khí cần để duy trì sự cháy.

- Nêu được ứng dụng thực tế liên quan đến vai trò của không khí đối với sự cháy: thổi bếp lửa cho lửa cháy to hơn, dập tắt lửa khi có hoả hoạn, ...

**2. Kĩ năng**

- Làm thí nghiệm để chứng tỏ:

+ Càng có nhiều không khí thì càng có nhiều ô- xi để duy trì sự cháy được lâu hơn.

+ Muốn sự cháy diễn ra liên tục thì không khí phải được lưu thông.

**3. Thái độ**

- Ham thích khoa học, ưa tìm tòi, khám phá.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

***\*KNS:*** *- Bình luận về cách làm và kết quả quan sát*

*- Phân tích, phán đoán, so sánh, đối chiếu*

*- Quản lí thời gian trong quá trình thí nghiệm.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Hình 70, 71 (sgk)

- HS: Các đồ dùng thí ngiệm theo nhóm.

**2.Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. | **1. Khởi động *(4p)*** |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** HS làm thí nghiệm để chứng tỏ: Càng có nhiều không khí thì càng có nhiều ô- xi để duy trì sự cháy được lâu hơn. Muốn sự cháy diễn ra liên tục thì không khí phải được lưu thông  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **Nhóm 4 – Lớp**  - HS tiến hành TN  + Nhóm trưởng báo cáo việc chuẩn bị của nhóm.  + HS đọc mục thực hành SGK  + HS làm thí nghiệm theo nhóm và quan sát sự cháy của các ngọn nến. Nhận xét và giải thích về kết quả của thí nghiệm theo mẫu:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Kích thước lọ | Thời gian cháy | Giải thích | | 1.Lọ nhỏ | Thời gian cháy ít hơn | Lọ nhỏ thì có ít không khí ... | | 2.Lọ to | Thời gian cháy lau hơn | Lọ to có nhiều không khí thì sự cháy được duy trì lâu hơn.. |   + Đại diện các nhóm báo cáo kết quả làm việc.  + Nhận xét, bổ sung.  + Nhóm trưởng báo cáo việc chuẩn bị của nhóm.  + HS đọc mục thực hành SGK  + HS làm thí nghiệm như mục 1, 2 trang 70 SGK và trả lới câu hỏi SGK.  + Theo thí nghiệm hình 3: ngọn nến chỉ cháy được một thời gian ngắn rồi tắt do hết khí ô- xi trong không khí.  + Thí nghiệm ở hình 4 ngọn nến không bị tắt mà sự cháy được duy trì liên tục không khí ở ngoài tràn vào, tiếp tục cung cấp khí ô- xi để duy trì sự cháy.  + Đại diện các nhóm báo cáo kết quả làm việc.  + Nhận xét, bổ sung.  - HS liên hệ  - HS báo cáo  - Lắng nghe  - Ghi nhớ vai trò của không khí với sự cháy  - Giải thích tại sao khi củi, rơm ướt thì sẽ không bắt lửa? | **HĐ1: Vai trò của ô- xi đối với sự cháy:**  **Bước 1**: Tổ chức và hướng dẫn  + GV kiểm tra dụng cụ thí nghiệm.  + Yêu cầu HS đọc mục *Thực hành* trang 70 SGK để biết cách làm  **Bước 2**: Yêu cầu HS làm TN theo nhóm như chỉ dẫn SGK.  **Bước 3**:  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  ***\* KL: Càng có nhiều không khí thì càng có nhiều ô- xi để duy trì sự cháy lâu hơn. Không khí có ô- xi nên cần không khí để duy trì sự cháy. Khí ni –tơ trong không khí nó không duy trì sự cháy nhưng giữ cho sự cháy trong không khí xảy ra không quá nhanh và quá mạnh.***  **HĐ2: Cách duy trì sự cháy và ứng dụng trong cuộc sống**:  **Bước 1**: Tổ chức và hướng dẫn  + GV kiểm tra dụng cụ thí nghiệm  + Yêu cầu HS đọc mục *Thực hành* trang 70, 71 SGK để biết cách làm  **Bước 2**: Yêu cầu HS làm TN theo nhóm như chỉ dẫn SGK.  \* GV có thể yêu cầu HS liên hệ:  + Cách nhóm bếp củi.  + Làm thế nào để tắt ngọn lửa?  **Bước 3:** Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  ***\* KL: Để duy trì sự cháy cần liện tục cung cấp khồng khí. Nói cách khác, không khí cần được lưu thông.***  - Nhận xét, khen/ động viên HS **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

:..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Biết đặt câu có ý nhận xét về nhân vật trong bài tập đọc đã học (BT2); bước đầu biết dùng thành ngữ, tục ngữ đã học phù hợp với tình huống cho trước (BT3).

**2. Kĩ năng:**

**-** Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1.

**3. Thái độ:**

**-** HS có ý thức học và ôn bài cũ

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu bắt thăm bài đọc

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành HS cùng hát kết hợp với vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***2p***)**  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành (30p)**  **2. 1. Viết chính tả**  **a. Chuẩn bị viết chính tả:** *(4p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc rành mạch, trôi chảy các bài tập đọc đã học (tốc độ đọc khoảng 80 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung. Thuộc được 3 đoạn thơ, đoạn văn đã học ở HKI. Biết đặt câu có ý nhận xét về nhân vật trong bài tập đọc đã học (BT2); bước đầu biết dùng thành ngữ, tục ngữ đã học phù hợp với tình huống cho trước (BT3).  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS đọc yêu cầu bài tập.  - Lần lượt từng HS bốc thăm bài, về chỗ chuẩn bị, cứ 1 HS kiểm tra xong, 1 HS tiếp tục lên bốc thăm bài đọc.  - Đọc và trả lời câu hỏi.  - Theo dõi và nhận xét.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV:  - HS trao đổi nhóm 2 nhận xét về tính cách của mỗi nhân vật  - Đặt câu cá nhân – Chia sẻ trước lớp:  VD:  a. Nhờ thông minh, ham học và có chí, Nguyễn Hiền đã trờ thành Trạng nguyên trẻ nhất nước ta.  b. Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi kiên nhẫn, khổ công luyện vẽ mới thành tài.  c. Xi- ôn- cốp- xki là người đầu tiên ở nước Nga tìm cách bay vào vũ trụ  d. Cao Bá Quát rất kì công luyện viết chữ.  e. Bạch Thái Bưởi là nhà kinh doanh tài ba, chí lớn.  - HS nối tiếp nêu:  *+ Em học được tính kiên trì, ý chí, nghị lực,....*  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  a) Nếu bạn có quyết tâm học tập, rèn luyện cao  - *Có chí thì nên.*  *- Có công mài sắt, có ngày nên kim.*  *- Người có chí thì nên.*  *Nhà có nền thì vững.*  b) Nếu bạn nản lòng khi gặp khó khăn?  *- Chớ thấy sóng cả mà rã tay cheo.*  *- Lửa thử vàng, gian nan thử sức.*  *- Thất bại là mẹ thành công.*  *- Thua keo này, bày keo khác.*  c) Nếu bạn em dễ thay đổi ý định theo người khác?  *- Ai ơi đã quyết thì hành.*  *Đã đan thì lận tròn vành mới thôi!*  *- Hãy lo bền chí câu cua.*  *Dù ai câu chạch, câu rùa mặc ai!*  *- Đứng núi này trông núi nọ.*  - Ghi nhớ và vận dụng tốt các thành ngữ trong các chủ điểm đã học  - Đọc diễn cảm tất cả các bài tập đọc | **Bài 1:** Ôn luyện và học thuộc lòng: 1/5 lớp  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Cho HS lên bảng bốc thăm bài đọc:  - Gọi 1 HS đọc và trả lời 1, 2 câu hỏi về nội dung bài đọc  - GV nhận xét, khen/ động viên trực tiếp từng HS.  \*Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 đọc lưu loát các bài Tập đọc, HTL  **Bài 2:** Đặt câu với những từ ngữ thích hợp...  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS tự làm bài, sau đó đọc câu của mình đặt. HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV sửa lỗi dùng từ, diễn đạt cho từng HS.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 đặt câu cho đúng.  *+ Em học được điều gì từ các nhân vật trong bài?*  **Bài 3:** Em hãy chọn thành ngữ....  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS trao đổi, thảo luận cặp đôi và viết các thành ngữ, tục ngữ vào vở.  - Gọi HS trình bày, HS khác nhận xét.  - Nhận xét chung, kết luận lời giải đúng.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 87:* DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 3**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được dấu hiệu chia hết cho 3

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 3 trong một số tình huống đơn giản.

**3. Thái độ**

- HS tích cực, chăm chỉ, sáng tạo

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1; bài 2; bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ.

- HS: sách, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **-** TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Những số chia hết cho 9 là những số có tổng các chữ số là số chia hết cho 9* | **1. Khởi động *(5p)***  *+ Nêu dấu hiệu chia hết cho 9*  *+ Lấy VD về số chia hết cho 9*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức *(15p)***  **\* Mục tiêu:** Nắm được dấu hiệu chia hết cho 3  **\* Cách tiến hành:** **Cá nhân- Nhóm – Lớp** | |
| - HS chia vở nháp thành 2 cột, cột chia hết và cột chia không hết.  - Các số chia hết cho 3: 63, 123, 90, 18, ...  Ví dụ: 63: 3 = 21  Ta có 6 + 3 = 9 và 9: 3 = 3  **+ Các số có tổng các chữ số chia hết cho 3 thì chia hết cho 3**  Ví dụ: 91: 3 = 30 (dư 1)  Ta có: 9 + 1 = 10 và 10: 3 = 3 (dư 1)  *+ Ta tính tổng các chữ số của nó nếu tổng đó chia hết cho 3 thì số đó chia hết cho 3, nếu tổng các chữ số đó không chia hết cho 3 thì số đó không chia hết cho 3.* | \* GV hướng dẫn để HS tìm ra các số chia hết cho 3  - GV yêu cầu HS chọn các số chia hết cho 3 và các số không chia hết cho 3 tương tự như các tiết trước.  - GV yêu cầu HS đọc các số chia hết cho 3 trên bảng và tìm ra đặc điểm chung của các số này.  - GV yêu cầu HS tính tổng các chữ số của các số chia hết cho 3.  \* Đó chính là các số chia hết cho 3.  *+ Hãy nêu dấu hiệu chia hết cho 3*  - GV yêu cầu HS tính tổng các chữ số không chia hết cho 3 và cho biết những tổng này có chia hết cho 3 không?  *+ Vậy muốn kiểm tra một số có chia hết cho 3 không ta làm thế nào?* |
|  | **3. HĐ thực hành** *(18p)*  **\* Mục tiêu:**Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 3 trong một số tình huống đơn giản.  **\* Cách tiến hành:** |
| - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ lớp  Đáp án:  Các số chia hết cho 3 là: 231, 1872, 92313.  *+ Vì các số đó có tổng các chữ số là số chia hết cho 3. VD: Số 231 có tổng các chữ số là: 2 + 3 + 1 = 9. 9 chia hết cho 3*  - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ lớp  Đáp án:  Các số không chia hết cho 3 là: 502, 55553, 641311.  + HS đọc yêu cầu bài tập.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV. VD:  + Các số có ba số có ba chữ số chia hết cho 3 là: 333, 966, 876, ...  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ trước lớp:  Đáp án: Viết được các số:  561/564; 795/798; 2235/2535  - Ghi nhớ dấu hiệu chia hết cho 3  - Tìm các bài tập vận dụng dấu hiệu chia hết cho 3 trong sách buổi 2 và giải | ***Bài 1:*** Trong các số sau số nào chia hết cho 3...  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  *+ Tại sao em biết các số đó chia hết cho 3?*  - GV chốt đáp án, củng cố dấu hiệu chia hết cho 3.  \* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2  ***Bài 2:*** Trong các số sau số nào không chia hết cho 3...  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - GV chốt đáp án.  \* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2  ***Bài 3:*** Viết ba số có ba chữ số chia hết cho 3...  **Bài 4** ***(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Chốt cách lập số theo yêu cầu.  **4. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **5. HĐ sáng tạo (***1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ**

**KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**(Đề của trường)**

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 3)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được các kiểu mở bài, kết bài trong bài văn kể chuyện; bước đầu viết được mở bài gián tiếp, kết bài mở rộng cho bài văn kể chuyện ông Nguyễn Hiền (BT2).

**2. Kĩ năng**

- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1.

**3. Thái độ**

- HS chăm chỉ, tích cực ôn tập KT cũ

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng phụ ghi sẵn nội dung cần ghi nhớ về 2 cách mở bài và 2 cách kết bài.

+ Phiếu ghi sẵn tên các bài tập đọc, HTL .

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. | 1**. Khởi động** (3p)  - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. Nắm được các kiểu mở bài, kết bài trong bài văn kể chuyện; bước đầu viết được mở bài gián tiếp, kết bài mở rộng cho bài văn kể chuyện ông Nguyễn Hiền  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | |
| **Cá nhân-Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - Lần lượt từng HS bốc thăm bài, về chỗ chuẩn bị, cứ 1 HS kiểm tra xong, 1 HS tiếp tục lên bốc thăm bài đọc.  - Đọc và trả lời câu hỏi.  - Theo dõi và nhận xét.  - HS đọc yêu cầu bài tập.  + ***Mở bài gián tiếp****:* nói chuyện khác để dẫn vào câu chuyện định kể.  **+ *Kết bài mở rộng****:* sau khi cho biết kết cục câu chuyện, có lời bình luận thêm về câu chuyện*.*  - HS viết phần mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho câu chuyện về ông Nguyễn Hiền. VD:  a) **Mở bài gián tiếp**: Nước ta có những thần đồng bộc lộ tài năng từ nhỏ. Đó là trường hợp của chú bé Nguyễn Hiền. Nhà ông rất nghèo, ông phải bỏ học nhưng vì là người có ý chí vươn lên ông đã tự học và đỗ Trạng nguyên năm 13 tuổi. Câu chuyện xảy ra vào đời vua Trần Nhân Tông.  b) **Kết bài mở rộng**: Câu chuyện về vị Trạng nguyên trẻ nhất nước Nam ta làm em càng thấm thía hơn những lời khuyên của người xưa: Có chí thì nên; Có công mài sắt có ngày nên kim.  - Ghi nhớ KT ôn tập  - Đọc diễn cảm các bài tập đọc. | **Bài 1:** Ôn luyện và học thuộc lòng:  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Cho HS lên bảng bốc thăm bài đọc:  - Gọi 1 HS đọc và trả lời 1, 2 câu hỏi về nội dung bài đọc  - GV nhận xét, khen/ động viên trực tiếp từng HS.  **Bài 2:** Cho đề tập làm văn sau: “ Kể chuyện ông Nguyễn Hiền.” Em hãy viết:  a. Phần mở bài theo kiểu gián tiếp.  b. Phần kết bài theo kiểu mở rộng.  *+ Thế nào là mở bài theo kiểu gián tiếp?*  *+ Thế nào là kết bài theo kiểu mở rộng?*  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân.  - Gọi HS trình bày, GV sửa lỗi dùng từ, diễn đạt cho HS .  ***\**** Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 viết mở bài và kết bài cho bài văn.  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 88:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố kiến thức về dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5 và 9

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 9, dấu hiệu chia hết cho 3, vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5, vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 3 trong một số tình huống đơn giản.

**3. Thái độ**

- HS tích cực, chăm chỉ, sáng tạo

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1; bài 2; bài 3. KK HSNK hoàn thành tất cả bài tập

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ.

- HS: sách, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **-** TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  - HS tham gia trò chơi | **1. Khởi động *(5p)***  Trò chơi **Bắn tên** với các câu hỏi:  + Bạn hãy nêu dấu hiệu chia hết cho 2?  + Bnn hãy nêu dấu hiệu chia hết cho 5?  + Bạn hãy nêu dấu hiệu chia hết cho 3?  + Bạn hãy nêu dấu hiệu chia hết cho 9?  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 9, dấu hiệu chia hết cho 3, vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5, vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 3 trong một số tình huống đơn giản.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp** | |
| - Thực hiện cá nhân- Chia sẻ lớp  Đ/a:  a. Số chia hết cho 3 là: 4563, 2229, 3576, 66816.  b. Số chia hết cho 9 là: 4563, 66816.  c. Số chia hết cho 3 nhưng không chia hết cho 9 là: 2229, 3576.  - Thực hiện theo YC của GV.  Đ/a:  a. 94**5** chia hết cho 9  b. 2**2**5 ; 2**5**5 ; 2**8**5.chia hết cho 3.  c. 76**2** ; 76**8** chia hết cho 3 và cho 2.  - Thực hiện nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  a). Đ ; b). S ; c). S ; d). Đ.  + HS giải thích  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Đáp án:  a) Có thể viết 3 trong các số:  612 ; 621 ; 126 ; 162 ; 261 ; 216.  b) Có thể viết 1 trong các số:  120 ; 102 ; 201 ; 210.  - Ghi nhớ các dấu hiệu chia hết  - Tìm các bài tập vận dụng dấu hiệu chia hết trong sách Toán buổi 2 và giải | **Bài 1:** Trong các số: 3451; 4563; 22050; 2229; 3576; 66816...  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án, củng cố dấu hiệu chia hết cho 3; 9  \* Lưu ý đối tượng HS M1+M2  ***Bài 2:***  ***-*** Cho HS đọc đề bài.  - GV YC HS tự làm bài,  - Gọi HS đọc các chữ số cần điền và giải thích vì sao điền chữ số đó.  - Nhận xét, chốt đáp án..  ***Bài 3***:  - Cho HS đọc đề bài.  - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi làm bài.  - Yêu cầu các nhóm báo cáo từng phần và giải thích rõ vì sao đúng, sai.  - Nhận xét, chốt đáp án.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  **Bài 4** ***(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Chốt cách lập số theo yêu cầu.  3**. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo (***1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**ÔN TẬP VÀ THỰC HÀNH KĨ NĂNG CUỐI HỌC KÌ I**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập lại các kiến thức của các bài đạo đức

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện những hành vi, những việc làm thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ trong cuộc sống.

- Biết tỏ bày lòng kính trọng và biết ơn với thầy giáo, cô giáo.

- Tích cực tham gia các công việc ở trường, ở lớp ở nhà phù hợp với khả năng của mình.

**3. Thái độ**

- GD HS thực hiện theo bài học

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

**I. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu bắt thăm câu hỏi

- HS: SGK, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - HS nối tiếp nêu tên | **1.Khởi động:***(5p)*  - Nêu tên các bài đạo đức đã học  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới |
| **2.HĐ thực hành***(30 p)*  **\* Mục tiêu:** - Thực hiện những hành vi, những việc làm thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ trong cuộc sống.  - Biết tỏ bày lòng kính trọng và biết ơn với thầy giáo, cô giáo.  - Tích cực tham gia các công việc ở trường, ở lớp ở nhà phù hợp với khả năng của mình.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm - Lớp** | | |
| **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  - HS lên bắt thăm và trả lời  + Việc làm thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ: Vâng lới ông bà, cha mẹ; bón cơm hay cháo cho ông bà khi ông bà ốm đau; ....  + Chăm chỉ học tập, tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài, tích cực tham gia các hoạt động trong lớp, ...  + Biểu hiện về yêu lao động: Tham gia các công việc lao động của lớp, của trường; Tham gia dọn đường làng ngõ xóm cùng bà con cô bác, ...  - HS liên hệ bản thân  **Nhóm 4- Lớp**  - HS thảo luận theo nhóm.  - Kể trong nhóm  - Cử đại diện kể trước lớp.  - Bình chọn bạn kể chuyện hay nhất  - Nêu bài học rút ra sau mỗi câu chuyện  - Thực hiện theo các chuẩn mực đạo đức trong bài học  - Sưu tầm các câu chuyện có nội dung liên quan đến các bài đạo đức đã học. | **HĐ1: Ôn lại kiến thức**  - Gv cho HS lên bắt thăm các phiếu có in sẵn câu hỏi  + Em hãy nêu một số việc làm cụ thể hằng ngày thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ?  + Nêu một số việc làm thể hiện lòng biết ơn đối với thầy cô giáo?  + Nêu một số biểu hiện thể hiện về yêu lao động?  *- Liên hệ: Em đã làm được những việc gì và chưa làm được những việc gì trong những việc vừa kể trên?*  **HĐ2: Kể chuyện theo bài học**  - Chia nhóm và giao nhiệm vụ:  + Hãy kể một câu chuyện về lòng hiểu thảo với ông bà, cha mẹ mà em biết?  + Em hãy kể một tấm gương về yêu lao động?  + Kể 1 tấm gương về kính trọng, biết ơn thầy cô giáo.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*    **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* | |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 4)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nghe- viết đúng bài CT (tốc độ viết khoảng 80 chữ/15 phút), không mắc quá 5 lỗi trong bài; trình bày đúng bài thơ 4 chữ (Đôi que đan).

\*HS năng khiếu viết đúng và tương đối đẹp bài CT (tốc độ viết trên 80 chữ/15 phút); hiểu nội dung bài.

**2. Kĩ năng:**

- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1.

- Viết đúng, đẹp bài chính tả

**3. Thái độ**

- Tích cực làm bài, ôn tập KT

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu ghi sẵn tên các bài tập đọc và học thuộc lòng

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. | 1**. Khởi động** (3p)  - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. Nghe - viết đúng bài CT HS hiểu được nội dung bài CT,viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng CT, cách viết đoạn văn xuôi  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | |
| **Cá nhân-Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - Lần lượt từng HS bốc thăm bài, về chỗ chuẩn bị, cứ 1 HS kiểm tra xong, 1 HS tiếp tục lên bốc thăm bài đọc.  - Đọc và trả lời câu hỏi.  - Theo dõi và nhận xét.  - 1 HS đọc thành tiếng.  *+ Những đồ dùng hiện ra từ đôi que đan và bàn tay của chị em: mũ len, khăn, áo của bà, của bé, của mẹ cha.*  *+ Hai chị em trong bài rất chăm chỉ, yêu thương những người thân trong gia đình.*  + Các từ ngữ: *mũ, chăm chỉ, giản dị, đỡ ngượng, que tre, ngọc ngà, …*  - Nghe GV đọc và viết bài .  - Dùng bút chì, đổi vở cho nhau để soát lỗi, chữa bài .  - Viết lại các lỗi sai trong bài chính tả  - Đọc diễn cảm các bài tập đọc | **Bài 1:** Ôn luyện và học thuộc lòng:  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Cho HS lên bảng bốc thăm bài đọc:  - Gọi 1 HS đọc và trả lời 1, 2 câu hỏi về nội dung bài đọc  - GV nhận xét, khen/ động viên trực tiếp từng HS.  **Bài 2: Nghe - viết chính tả:**  ***\* Tìm hiểu nội dung bài thơ***  - Đọc bài thơ *Đôi que đan*.  *+ Từ đôi que đan và bàn tay của chị em những gì hiện ra?*  *+ Theo em, hai chị em trong bài là người như thế nào?*  ***\* Hướng dẫn viết từ khó***  - HS tìm các từ khó, dễ lẫn khi viết chính tả và luyện viết.  ***\* Nghe – viết chính tả***  - GV đọc cho HS viết với tốc độ vừa phải (khoảng 90 chữ / 15 phút). Mỗi câu hoặc cụm từ được đọc 2 đến 3 lần: đọc lượt đầu chậm rãi cho HS nghe , đọc nhắc lại 1 hoặc 2 lần cho HS kịp viết với tốc độ quy định .  ***\* Soát lỗi và chữa bài***  - Đọc toàn bài cho HS soát lỗi.  - Thu nhận xét, đánh giá bài làm  - Nhận xét bài viết của HS  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**CẮT, KHÂU, THÊU SẢN PHẨM TỰ CHỌN**(tiết 4)

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập các kiến thức về cắt, khâu, thêu

**2. Kĩ năng**

- Sử dụng được một số dụng cụ, vật liệu cắt, khâu, thêu để tạo thành sản phẩm đơn giản. Có thể chỉ vận dụng hai trong ba kĩ năng cắt, khâu, thêu đã học.

\*Với HS khéo tay: Vận dụng kiến thức, kĩ năng cắt, khâu, thêu để làm được đồ dùng đơn giản, phù hợp với HS.

**3. Thái độ**

- Giáo dục tính cẩn thận, khéo léo, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: : + Tranh quy trình của các bài trong chương.

+ Mẫu khâu, thêu đã học.

- HS: Bộ ĐD KT lớp 4.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, phòng tranh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành | **1. HĐ khởi động (3p)**  - HS hát bài hát khởi động:  - Kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng của HS |
| **2. Hình thành KT***(30p)*  **\* Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức cắt, khâu, thêu để tạo sản phẩm có tính ứng dụng trong cuộc sống  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| - HS lựa chọn tùy theo khả năng và ý thíchđể thực hành .  - HS bắt đầu thêu tiếp tục .  - HS thờu xong trỡnh bày sản phẩm  - HS trưng bày các sản phẩm của mình đã hoàn thành .  - HS tự đánh giá sản phẩm.  - Ghi nhớ các kiến thức về cắt, khâu, thêu  - Tiếp tục tạo các sản phẩm đẹp và lạ mắt từ cắt, khâu, thêu | **HĐ1**: *Thực hành cắt, khâu, thêu:*  - HS tự chọn sản phẩm và thực hành làm sản phẩm tự chọn .  - Nêu yêu cầu thực hành và hướng dẫn chọn sản phẩm: sản phẩm tự chọn được thực hiện bằng cách vận dụng những kĩ thuật cắt khâu thêu đó học .  - GV quan sát và hướng dẫn những HS còn lúng túng  **HĐ2**: *Đánh giá kết quả học tập:*  - GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm thực hành.  - Các tiêu chuẩn đánh giá.  + Sản phẩm đúng kĩ thuật.  + Mũi khâu, thêu tương đồi đều, phẳng.  + Hoàn thành sản phẩm đúng thời hạn.  - GV nhận xét, đánh giá kết quả học tập.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 5)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- HS ôn lại kiến thức về từ loại và mẫu câu kể Ai làm gì? Ai thế nào?

**2. Kĩ năng**

- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1

- Nhận biết được danh từ, động từ, tính từ trong đoạn văn; biết đặt câu hỏi xác định bộ phận câu đã học: Làm gì? Thế nào? Ai? (BT2).

**3. Thái độ**

- HS tích cực, tự giác ôn tập KT cũ

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Phiếu ghi sẵn tên các bài tập đọc và học thuộc lòng

+ Bảng lớp viết sẵn đoạn văn ở bài tập 2, SGK

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét. | **1. Khởi động:** *(3p)*  Trò chơi **Hộp quà bí mật**  **+** Đặt một câu có sử dụng tính từ?  + Đặt một câu có sử dụng danh từ?  + Đặt một câu có sử dụng động từ?  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành:** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1  - Nhận biết được danh từ, động từ, tính từ trong đoạn văn; biết đặt câu hỏi xác định bộ phận câu đã học: Làm gì? Thế nào? Ai? (BT2).  \* **Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - Lần lượt từng HS bốc thăm bài, về chỗ chuẩn bị, cứ 1 HS kiểm tra xong, 1 HS tiếp tục lên bốc thăm bài đọc.  - Đọc và trả lời câu hỏi.  - Theo dõi và nhận xét.  - Đọc yêu cầu trong SGK.  **Nhóm 4 – Lớp**  - Hs thảo luận nhóm  - 1 HS đọc thành tiếng.  - 1 HS làm bảng lớp, HS cả lớp làm vở.  - 1 HS nhận xét, chia sẻ  *DT: buổi chiều, xe, thị trấn, nắng, phố, huyện, em bé, Hmông, mắt, một mí, em bé, Tu Dí, Phù Lá, cổ, móng, hổ, quần áo, sân.*  *ĐT: dừng lại, đeo, chơi đùa.*  *TT: nhỏ, vàng hoe, sặc sỡ.*  - HS đặt câu hỏi – Chia sẻ trước lớp  *+ Câu kể Ai làm gì? , Ai thế nào?*  Đáp án:  + *Buổi chiều, xe làm gì?*  + *Nắng phố huyện như thế nào?*  + *Ai đang chơi đùa trước sân.*  - Ghi nhớ kiến thức ôn tập  - Chọn 1 đoạn văn/ bài văn em thích trong chương trình và xác định các kiểu câu kể trong đoạn văn, bài văn đó. | **Bài 1:** Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Cho HS lên bảng bốc thăm bài đọc:  - Gọi 1 HS đọc và trả lời 1, 2 câu hỏi về nội dung bài đọc  - GV nhận xét, khen/ động viên.  **Bài 2:**Tìm danh từ, động từ, tính từ và đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  - Yêu cầu HS tự làm bài.  - Gọi HS chữa bài, bổ sung.  - Nhận xét, kết luận lời giải đúng.  - Yêu cầu HS tự đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm.  *+ Các câu in đậm thuộc kiểu câu kể gì?*  - Gọi HS nhận xét, chữa câu cho bạn.  - Nhận xét, kết luận lời giải đúng.  - Chốt lại cách đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 đặt câu và tìm DT, ĐT, TT  **3. HĐ ứng dụng (***1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 89:* LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố kiến thức về các dấu hiệu chia hết.

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng thành thạo dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9 trong một số tình huống đơn giản.

**3. Thái độ**

- Học tập tích cực, tính toán chính xác

**4. Góp phần phát triền các NL:**

- NL tự học, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: bảng phụ

- HS: sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành *(30p)***  **\* Mục tiêu*:*** Vận dụng thành thạo dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9 trong một số tình huống đơn giản.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp** | |
| Cá nhân – Chia sẻ lớp  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  a) Các số chia hết cho 2 là: 4568; 2050; 35766.  b) Các số chia hết cho 3 là: 2229; 35766.  c) Các số chia hết cho 5 là: 7435 ; 2050.  d) Các số chia hết cho 9 là: 35766.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - YC HS làm bài theo cặp.  Đ/a:  a) Các số chia hết cho 2 và 5: 64 620; 5270  b) Các số chia hết cho 3 và 2: 64 620; 57 234.  c) Các số chia hết cho 2; 3; 5; 9 là:  64 620  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  a. 5**2**8 , 5**5**8, 5**8**8 chia hết cho 3  b. 6**0**3, 6**9**3 chia hết cho 9  c. 24**0** chia hết chi 3 và 5.  d. 35**4** chia hết cho 2 và 3.  - HS làm bài vào vở Tự học – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Bài 4:  a) 2253 + 4315 – 173 = 6568 – 173  = 6395  (6395 chia hết cho 5)  b) 6438 – 2325 x 2 = 6438 – 4650  = 1788  (1788 chia hết cho 2.)  c) 480 – 120 : 4 = 480 – 30 = 450  (450 chia hết cho cả 2 và 5)  d) 63 + 24 x 3 = 63 + 72 = 135  (135 chia hết cho 5)  Bài 5: Giải  Vì số học sinh ít hơn 35 và nhiều hơn 20. Mà xếp 5 hàng đều không thừa không thiếu nên số học sinh có thể là: 25 hoặc 30. Số HS xếp thành 3 hàng cũng vừa đủ nên đó là số chia hết cho 3. Vậy số HS là 30 học sinh  - Ghi nhớ các dấu hiệu chia hết và vận dụng  - Tìm các bài tập về dấu hiệu chia hết trong sách Toán buổi 2 và giải. | ***Bài 1:***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Gọi HS chia sẻ, nhận xét, bổ sung, sửa (nếu cần)  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách xác định các số chia hết cho 2, 5, 3, 9  ***Bài 2:***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Gọi HS chia sẻ, nhận xét, bổ sung, sửa (nếu cần)  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách xác định các số chia hết cho cả 2 và 5; cả 3 và 2; cả 2,3,5,9  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 về dấu hiệu nhận biết các số chia hết.  ***Bài 3:***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV phát bảng nhóm cho 6 nhóm, sau đó mời 3 nhóm xong trước lên treo, các nhóm còn lại GV thu và mời nhận xét chéo.  - Củng cố lại các dấu hiệu chia hết  **Bài 4+ Bài 5 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - GV chữa, chốt cách làm  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 6)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Giúp HS ôn tập về cách lập dàn ý cho bài văn miêu tả đồ vật và cách viết mở bài theo kiểu gián tiếp và kết bài theo kiểu mở rộng

**2. Kĩ năng**

- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1.

- Biết lập dàn ý cho bài văn miêu tả một đồ dùng học tập đã quan sát; viết được đoạn mở bài theo kiểu gián tiếp, kết bài theo kiểu mở rộng (BT2).

**3. Thái độ**

- HS tích cực, tự giác ôn bài.

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu ghi sẵn tên các bài tập đọc và học thuộc lòng

- HS: SGK, Bút, vở

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:(***5p)*    - GV dẫn vào bài mới |
| **2. . Hoạt động thực hành:** *(27p)*  **\* Mục tiêu:** - Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1.  - Biết lập dàn ý cho bài văn miêu tả một đồ dùng học tập đã quan sát; viết được đoạn mở bài theo kiểu gián tiếp, kết bài theo kiểu mở rộng (BT2).  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS đọc yêu cầu bài tập.  - Lần lượt từng HS bốc thăm bài, về chỗ chuẩn bị, cứ 1 HS kiểm tra xong, 1 HS tiếp tục lên bốc thăm bài đọc.  - Đọc và trả lời câu hỏi.  - Theo dõi và nhận xét.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - Làm cá nhân - Chia sẻ dàn ý trước lớp  *+ MB nói 1 ý khác có liên quan để dẫn vào đồ vật định tả*  *+ Nói được tình cảm, thái độ, công dụng của đồ vật*  - HS viết cá nhân – Chia sẻ lớp. VD:  **Mở bài:** Có một người bạn luôn bên em mỗi ngày, luôn chứng kiến những buồn vui trong học tập của em, đó là chiếc bút máy màu xanh. Đây là món quà em được bố tặng cho khi vào năm học mới.  **Kết bài**: Em luôn giữ gìn cây bút cẩn thận, không bao giờ bỏ quên hay quên đậy nắp. Em luôn cảm thấy có bố em ở bên mình, động viên em học tập.  - Viết hoàn chỉnh phần MB và KB  - Hoàn chỉnh bài văn miêu tả đồ vật | **Bài 1:** Ôn luyện và học thuộc lòng:  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Cho HS lên bảng bốc thăm bài đọc:  - Gọi 1 HS đọc và trả lời 1, 2 câu hỏi về nội dung bài đọc  - GV nhận xét, khen/ động viên trực tiếp từng HS.  **Bài 2:** Cho đề bài tập làm văn: “ Tả một đồ dùng học tập của em”.  - 1 HS đọc thành tiếng yêu cầu trong SGK.  a) - GV hướng dẫn:  + Đây là bài văn miêu tả đồ vật.  + Hãy quan sát thật kĩ 1 đồ dùng học tập của em, tìm những đặc điểm riêng mà không thể lẫn với đồ vật khác của bạn.  + Không nên tả quá chi tiết rườm rà.  - GV chốt lại dàn ý chuẩn của bài  b. YC HS tự viết bài  *+ MB gián tiếp là như thế nào?*  *+ KB mở rộng là như thế nào?*  - Yêu cầu HS biết bài  - Nhận xét, sửa lỗi dùng từ, đặt câu cho HS.  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**KHÔNG KHÍ CẦN CHO SỰ SỐNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được vai trò của không khí với sự sống của con người, động vật, thực vật

**2. Kĩ năng**

- Tự thực hành để biết được vai trò của không khí với con người; quan sát, làm thí nghiệm để biết vai trò của không khí với động vật, thực vật **3. Thái độ**

- Có ý thức bảo vệ bầu không khí trong sạch

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

***\* BVMT:*** *Mối quan hệ giữa con người với môi trường: Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Hình SGK trang 72, 73

+ Sưu tầm các hình ảnh về người bệnh thở bằng ô- xi

+ Hình ảnh hoặc dụng cụ để bơm không khí vào bể cá.

- HS: Sách giáo khoa, bút,...

**2.Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Ô-xi cần cho sự cháy, càng có nhiều ô-xi thì sự cháy sẽ tiếp diễn lâu hơn. Ni-tơ không duy trì sự cháy nhưng nó giúp cho sự cháy không diễn ra quá mạnh, quá nhanh*  *+ Cần liên tục cung cấp ô-xi* | **1. Khởi động *(4p)***  *+ Không khí có vai trò như thế nào đối với sự cháy?*  *+ Để duy trì sự cháy, ta làm thế nào?* |
| **2.Bài mới:**  **\* Mục tiêu:** Biết được vai trò của không khí với sự sống của con người, động vật, thực vật  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| - Thực hành cá nhân và nêu nhận xét, cảm nhận của mình  *+ Nhận thấy có luồng không khí ấm chạm vào tay khi thở ra.*  *+ Cảm thấy khó chịu...*  *+ Con người cần không khí để thở, con người có thể nhịn ăn, nhịn uống vài ngày nhưng không thể nhịn thở trong một phút.*  **Nhóm 2 – Chia sẻ lớp**  - HS quan sát hình 3, 4.  *+ Vì trong bình kín không có không khí nên sâu bọ và cây bị chết.*  - Lắng nghe  *+ Vì cây hô hấp thải ra khí các- bô- níc, hút khí ô- xi, làm ảnh hưởng đến sự hô hấp của con người.*  *+ Động vật và thực vật cần không khí để sống.*  **Nhóm 2 – Chia sẻ lớp**  - HS quan sát hình và trả lời câu hỏi SGK.  *+ Bình ô- xi người thợ lặn đeo ở lưng*  *+ Máy bơm không khí vào nước.*  *+ Ví dụ: Nhịn thở trong trong một phút.......*  *+ Khí ô- xi.*  *+ Những người thợ lặn, thợ làm việc trong hầm lò, người bị bệnh nặng cần.*  + Không khí phải trong sạch.  - HS nêu các biện pháp bảo vệ bầu không khí trong sạch.  - Tìm các VD khác chứng tỏ không khí cần cho sự sống | **HĐ1: Vai trò của không khí đối với con người.**  + GV yêu cầu HS làm theo hướng dẫn mục Thực hành SGK trang 72 và phát biểu nhận xét.  *+ Để tay trước mũi, thở ra và hít vào, bạn có nhận xét gì?*  *+ Lấy tay bịt mũi và ngậm miệng lại, bạn cảm thấy như thế nào?*  *+ Qua thí nghiệm và hiểu biết thực tế em hãy nêu vai trò của không khí đối với đời sống con người?*  ***- GV chốt vai trò của không khí với con người***  **HĐ2: Vai trò của không khí đối với thực vật và động vật:**  - GV yêu cầu HS quan sát hình 3, 4 và trả lời câu hỏi.  *+ Tai sao sâu bọ và cây trong bình bị chết?*  ***\*\* Từ xưa các nhà bác học đã làm thí nghiệm: Nhốt một con chuột bạch vào trong một chiếc bình thuỷ tinh kín, có đủ thức ăn và nước uống . Khi nó thở hết ô- xi trong bình thuỷ tinh thì nó bị chết mặc dù thức ăn và nước uống vẫn còn.***  *+ Tại sao ta không nên để nhiều hoa tươi và cây cảnh trong phòng ngủ đóng kín cửa?*  *+ Nêu vai trò của không khí đối với động vật và thực vật?*  ***- GV chốt vai trò của không khí với con người***  **HĐ3: Một số trường hợp phải dùng bình ô- xi**:  + GV yêu cầu HS quan sát hình 5, 6 trang 73 SGK theo cặp.  *+ Dụng cụ giúp người thợ lặn lâu dưới nước và dụng cụ giúp cho nước trong bể cá có không khí hoà tan?*  - GV yêu cầu HS thảo luận câu hỏi.  *+ Nêu ví dụ chứng tỏ không khí cần cho sự sống của người, động vật và thực vật?*  *+ Thành phần nào trong không khí là quan trọng nhấtđối với sự thở?*  *+ Trong trường hợp nào người ta phải thở bằng bình ô- xi?*  ***KL: Người, động vật, thực vật muốn sống được cần ô- xi để thở.***  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  \* GD bảo vệ môi trường: Con người cần không khí để thở. Vì vậy, để đảm bảo cho sức khoẻ thì không khí phải như thế nào? Cần làm gì đề giữ bầu không khí trong sạch  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 7)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Kiểm tra đọc theo mức độ cần đạt nêu ở tiêu chí ra đề kiểm tra môn Tiếng Việt lớp 4, HKI (Bộ GD& ĐT- Đề KT học kì cấp TH, lớp 4, tập 1, Nhà xuất bản Giáo Dục 2008).

**2. Kĩ năng**

- Đọc rành mạch, trôi chảy bài tập đọc đã học theo tốc độ qui định giữa HKI (khoảng 80 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung đoạn đọc; trả lời được câu hỏi liên quan nội dung bài đọc.

- Đọc hiểu và trả lời các câu hỏi liên quan nội dung bài đọc.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài..

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

- HS: Vở BT, bút, ..

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

1. Gọi HS đọc bài văn Về thăm bà

2. HS làm vào VBT, GV hướng dẫn HS tự chữa và chấm bài, chốt KT cho các em

Bài đọc thầm

**Về thăm bà** (SGK Tiếng Việt 4/ 176)

**1. Những chi tiết liệt kê dòng nào cho thấy bà của Thanh đã già?**

a. Tóc bạc phơ, miệng nhai trầu, đôi mắt hiền từ.

b. Tóc bạc phơ, chống gậy trúc, đôi mắt hiền từ.

c. Tóc bạc phơ, chống gậy trúc, lưng đã còng.

***Đáp án: C***

**2. Tập hợp nào dưới đây liệt kê đầy đủ các chi tiết nói lên tình cảm của bà đối với Thanh?**

a. Nhìn cháu bằng ánh mắt âu yếm, mến thương, giục cháu vào nhà cho khỏi nắng, giục cháu đi rửa mặt rồi nghỉ ngơi.

b. Nhìn cháu bằng ánh mắt âu yếm, mến thương.

c. Nhìn cháu bằng ánh mắt âu yếm, mến thương, che chở.

***Đáp án: A***

**3. Thanh có cảm giác như thế nào khi trở về ngôi nhà của bà?**

a. Có cảm giác thong thả, bình yên.

b. Có cảm giác được bà che chở.

c. Có cảm giác thong thả, bình yên, được bà che chở.

***Đáp án: C***

**4. Vì sao Thanh cảm thấy như chính bà che chở cho mình?**

a. Vì Thanh luôn yêu mến, tin cậy bà.

b. Vì Thanh là khách của bà, được bà chăm sóc, yêu thương.

c. Vì Thanh sống với bà từ nhỏ, luôn yêu mến, tin cậy bà và được bà săn sóc, yêu thương.

***Đáp án: C***

5. Tìm trong truyện **Về thăm bà** từ cùng nghĩa với từ **hiền.**

A. Hiền hậu, hiền lành. B. Hiền từ, hiền lành, C. Hiền từ, âu yếm.

***Đáp án: B***

6. Câu **Lần nào trở về với bà, Thanh cũng thấy bình yên và thong thả như thế**. có mấy động từ, mấy tính từ?

a. Một động từ, hai tính từ. Các từ đó là:

- Động từ: - Tính từ:

b. Hai động từ, hai tính từ. Các từ đó là:

- Động từ: - Tính từ:

c. Hai động từ, một tính từ. Các từ đó là:

- Động từ: - Tính từ:

***Đáp án: C. Hai động từ: trở về, thấy. 2 tính từ: thong thả, bình yên***

***=> Chốt cách xác định ĐT, TT trong câu***

7. Câu: **Cháu đã về đấy ư?** được dùng làm gì?

A. Dùng để hỏi. B. Dùng để yêu cầu, đề nghị. C. Dùng thay lời chào.

***Đáp án: C***

***=> Chốt cách dùng câu hỏi với mục đích khác. HS lấy VD thêm***

4. Trong câu **Sự yên lặng làm Thanh mãi mới cất được tiếng gọi khẽ**, bộ phận nào là chủ ngữ?

a. Thanh b. Sự yên lặng c. Sự yên lặng làm Thanh

***Đáp án: B***

**3. HĐ ứng dụng** *(1p)*

- Hoàn thành đáp án bài đọc hiểu

**4. HĐ sáng tạo** *(1p)*

- Tự làm cá nhân một số bài đọc hiểu khác trong sách tham khảo

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 50*: KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI KÌ I**

**(Đề kiểm tra trường)**

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 8)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Kiểm tra (viết) theo múc độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng giữa HKI:

+ Nghe - viết đúng bài chính tả (tốc độ viết khoảng 80 chữ/15 phút), không mắc quá 5 lỗi; trình bày đúng hình thức bài văn xuôi

+ Viết được bài văn miêu tả một đồ dùng học tập của em.

**2. Kĩ năng**

- Kĩ năng viết, kĩ năng làm bài KT

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác và trung thực khi làm bài.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL thẩm mĩ

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng lớp ghi sẵn đề bài.

- HS: Vở BT, giấy kiểm tra

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | | **1. Khởi động *(3p)***  - GV dẫn vào bài mới | |
| **2. Hoạt động kiểm tra***:(50p)*  **\* Mục tiêu:**  Kiểm tra (viết) theo mức độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng giữa HKI  **\* Cách tiến hành:** | | | | |
| - HS viết vào vở.  - Hs soát lỗi  - Hs đổi vở cùng bạn soát lỗi.  - HS làm bài  - HS nộp bài  - Tự viết lại các lỗi sai trong bài chính tả  - Viết ghi chú những điều làm được và chưa làm được qua bài KT | **A. Kiểm tra chính tả:** *(Nghe - viết)*  Bài viết: **Chiếc xe đạp của chú Tư**  *(Sách giáo khoa trang 177)*  **\* Hoạt động viết chính tả:**  **- Gv** đọc bài chính tả.  - GV đọc soát lỗi.  **B. Kiểm tra Tậplàm văn:**  - Kiểm tra việc chuẩn bị giấy, ĐDHT (hoặc đồ chơi) của hs.  **Đề bài:** ***Tả một đồ dùng học tập hoặc đồ chơi mà em yêu thích.***  - Yêu cầu HS tự làm bài, nộp bài.  - GV thu bài, nhận xét đánh giá chung  **3. Hoạt động vận dụng***(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ**

**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ I**

**SINH HOẠT**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 18**

**TIỀN MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 18

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 19

- GD HS có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Xem kịch câm

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Nhận xét, đánh giá chung về nền nếp và học tập trong học kì I***

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

...........................................................................................................................................................................................

***4. Ph­ương h­­ướng học kì II***

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***5. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể.***